



Original Article

A Proposal of Information Literacy Concept in Accordance with the Context of Higher Education in Vietnam

Nghiem Xuan Huy^{1,*}, Bui Thi Thanh Huyen²

¹*VNU Institute for Education Quality Assurance, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

²*VNU University of Social Sciences and Humanities, 336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam*

Received 28 November 2021

Revised 09 December 2021; Accepted 10 December 2021

Abstract: Information literacy is a type of personal capacity, which demonstrates an individual's ability to master the information world, exploit and use information effectively to deal with his/her living, studying and working needs. Information literacy is associated with the development of lifelong learning capacity and social inclusion for individuals. Therefore, information literacy has become increasingly important, becoming a popular topic in education research, especially in the current context of the 4th Industrial Revolution. Since the 70s of the 20th century, information literacy has been widely discussed and developed by educational institutions, especially higher education ones, in Western countries. Concepts, theoretical frameworks and practices for developing information literacy for learners have been established and mostly applied in Western countries. However, with a different educational context, such as the one in Vietnam, how should information literacy for university students be conceptualized and developed? This paper firstly presents an overview of how the concept of information literacy has been changed globally and those aspects that impact the way information literacy has been conceptualized and developed. Key points discussed are educational context, academic culture, teaching and learning practices. From that analysis, the paper proposes a concept of information literacy for students, which is in accordance with the academic culture of Vietnamese higher education.

Keywords: Information literacy, information literacy concept, academic culture, higher education.

* Corresponding author.

E-mail address: huyx@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4369>

Đề xuất Khung năng lực thông tin cho sinh viên phù hợp với bối cảnh giáo dục đại học tại Việt Nam

Nghiêm Xuân Huy^{1,*}, Bùi Thị Thanh Huyền²

¹*Viện Đảm bảo Chất lượng Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

²*Trường Đại Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội,
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 28 tháng 11 năm 2021

Chỉnh sửa ngày 09 tháng 12 năm 2021; Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 12 năm 2021

Tóm tắt: Năng lực thông tin của mỗi cá nhân là một loại hình năng lực cá nhân, thể hiện khả năng làm chủ thế giới thông tin, khai thác và sử dụng thông tin một cách hiệu quả để phục vụ các nhu cầu sinh sống, học tập và làm việc của mỗi cá nhân. Năng lực thông tin gắn với việc hình thành và phát triển năng lực học tập suốt đời, khả năng hội nhập cộng đồng của mỗi cá nhân. Do đó, năng lực thông tin ngày càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, trở thành một chủ đề được quan tâm sâu sắc trong nghiên cứu về giáo dục. Được bắt đầu nghiên cứu, phát triển từ những năm 70 của thế kỷ 20, năng lực thông tin đã trở thành một loại năng lực được các cơ sở giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học, ở các nước phương Tây quan tâm và thúc đẩy phát triển cho người học. Các khái niệm, khung lý thuyết và thực hành phát triển năng lực thông tin cho người học đã được hình thành và áp dụng rộng rãi ở các nước phương Tây. Tuy nhiên, với bối cảnh giáo dục khác biệt như ở Việt Nam, khái niệm và các khung lý thuyết về phát triển năng lực thông tin cho sinh viên đại học cần được xác lập như thế nào? Bài viết trình bày khái quát quá trình hình thành, phát triển khái niệm năng lực thông tin trên thế giới, đồng thời chỉ ra những đặc điểm khác biệt về mặt bối cảnh, đặc điểm của môi trường học tập, văn hóa học thuật có tác động trực tiếp tới quan niệm và khái niệm về năng lực thông tin. Từ đó, bài viết đề xuất khung năng lực thông tin cho sinh viên với những điểm đặc thù phù hợp với giáo dục đại học Việt Nam.

Từ khóa: Năng lực thông tin, khái niệm năng lực thông tin, khung năng lực thông tin, bối cảnh giáo dục, giáo dục đại học.

1. Đặt vấn đề

Khái niệm năng lực thông tin được khởi xướng và chủ yếu được phát triển bởi các nhà giáo dục phương Tây [1]. Đã có nhiều định nghĩa và khung lý thuyết phổ biến về năng lực thông tin, chẳng hạn như Tiêu chuẩn năng lực thông tin cho giáo dục đại học do Hiệp hội Thư viện Hoa

Kỳ đề xuất [2]; Khung năng lực thông tin của Úc và New Zealand do Viện Nghiên cứu về năng lực thông tin của Úc và New Zealand đề xuất; và Các trụ cột về năng lực thông tin do Hiệp hội các Thư viện Cao đẳng, Quốc gia và Đại học của Vương quốc Anh đề xuất [3]. Điểm chung của các công trình này là phạm vi và bối cảnh áp dụng khung năng lực thông tin. Dễ dàng nhận thấy rằng tất cả

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: huynx@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4369>

các khung lý thuyết đó đó đều đến từ các nước phát triển phương Tây, nơi hệ thống giáo dục và lý thuyết sư phạm chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi văn hóa học thuật phương Tây. Trên thực tế, các khung lý thuyết và chiến lược phát triển năng lực thông tin ngày càng được công nhận và áp dụng rộng rãi ở nhiều quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, trong bối cảnh giáo dục học ở Việt Nam, nơi mô hình học tập thụ động chiếm ưu thế trong hầu hết các hoạt động dạy và học, giáo viên đóng vai trò trung tâm trong hầu hết các quá trình dạy và học, nguồn tài liệu học tập hạn chế và năng lực học tập suốt đời của học sinh chưa được chú trọng trong, thì vấn đề này nên được nhìn nhận như thế nào? Trong bối cảnh đó, việc hình thành và phát triển năng lực thông tin cho người học sẽ được thực hiện như thế nào? Câu hỏi về vấn đề khái niệm hóa và việc phát triển năng lực thông tin trong bối cảnh giáo dục đại học ở các nước ngoài phương Tây, đặc biệt là ở các quốc gia phương Đông, đã được Gorman và Dorner [1], Walter [4] và UNESCO [5] nêu lên, tuy nhiên có rất ít nghiên cứu toàn diện về vấn đề này cho đến nay. Đặc biệt, trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam, hiện nay chưa có một khái niệm năng lực thông tin thống nhất và sự khai phá nội hàm đủ sâu đối với khái niệm đó, dẫn tới các thực hành phát triển năng lực thông tin còn chưa đồng bộ và hiệu quả.

Theo các tác giả Gorman và Dorner [1], và Campbell [6], các khung và thực hành về năng lực thông tin hiện có có thể áp dụng cho các nước phát triển phương Tây vì sự phù hợp và tương thích về văn hóa và thực hành sư phạm” [1, tr. 3]. Tuy nhiên, việc áp dụng những cơ sở lý luận và thực tiễn đó vào các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước Đông Nam Á như Việt Nam, đang gặp nhiều thách thức bởi sự khác biệt về các khía cạnh bối cảnh giáo dục, văn hóa học thuật và các điều kiện về hạ tầng. Gorman và Dorner [1] khẳng định “Các chương trình có nguồn gốc trực tiếp từ các nước phương Tây như New Zealand, Úc hoặc Anh sẽ không cung cấp các thực hành sư phạm tốt để áp dụng ở các nước Đông Á” [1, tr.17].

Các khía cạnh văn hóa ảnh hưởng đến cách thức mà các quốc gia thuộc các nền văn hóa khác

nhau thực hiện các chương trình phát triển năng lực thông tin [1, 5]. Do đó, để đảm bảo sự thành công của bất kỳ chương trình phát triển năng lực thông tin nào, cần phải tính đến các khía cạnh văn hóa, đặc biệt là khía cạnh văn hóa học tập [1, 4-7]. Nói cách khác, theo khuyến nghị của Gorman và Dorner [1], cần đặt khái niệm về năng lực thông tin trong một bối cảnh văn hóa cụ thể để có thể xác định đầu ra và phương pháp thực hiện các chương trình nâng cao năng lực thông tin cho người học.

Điều này càng thấy rõ trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam, nơi mà năng lực thông tin chưa được khám phá và phát triển một cách toàn diện cả về lý luận và thực tiễn. Nghiên cứu của tác giả Nguyễn Cảnh Khanh [8] chỉ ra rằng các trường đại học Việt Nam cần điều chỉnh phương pháp dạy và học với trọng tâm là giúp sinh viên trở thành người học tích cực [8, tr. 10]. Nguyễn Cảnh Khanh cũng khuyến nghị rằng cần phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo và khả năng vận dụng kiến thức mới của người học [8, tr. 11]. Rõ ràng, năng lực thông tin có thể được coi là một công cụ quan trọng để thay đổi giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục đại học ở Việt Nam. Tuy nhiên, một khung lý luận và thực tiễn về phát triển năng lực thông tin, phù hợp với văn hóa học tập trong bối cảnh giáo dục đại học ở Việt Nam vẫn chưa được xây dựng.

Tóm lại, có hai vấn đề nghiên cứu cần được giải quyết. Thứ nhất, nền tảng lý thuyết về phát triển phát triển thông tin trong bối cảnh giáo dục khác với phương Tây chưa được thiết lập một cách đúng đắn và toàn diện. Vấn đề còn lại là thiếu chiến lược phù hợp về mặt văn hóa và sư phạm để phát triển năng lực thông tin cho sinh viên trong giáo dục đại học Việt Nam.

Để giải quyết hai vấn đề nêu trên, bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu phân tích tài liệu (document analysis) và các dữ liệu thứ cấp kế thừa từ các nghiên cứu đánh giá bối cảnh giáo dục (kỹ năng, hành vi của người học) và thực trạng năng lực thông tin của sinh viên đại học Việt Nam. Giả thuyết nghiên cứu được đưa ra là: trong bối cảnh giáo dục Việt Nam (với những đặc thù riêng về phong cách học tập của người

học, phong cách dạy học của giáo viên, nguồn tài nguyên thông tin sẵn có, cơ sở hạ tầng cho học tập, nghiên cứu của trường đại học) thì khái niệm năng lực thông tin và khung lý thuyết cho việc phát triển năng lực thông tin trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam cần có sự cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp. Nghiên cứu này đi từ việc phân tích những đặc thù bối cảnh giáo dục tác động tới năng lực thông tin, các quan điểm của học giả về sự tất yếu phải điều chỉnh khái niệm và các khung lý thuyết về năng lực thông tin cho phù hợp với các giá trị văn hóa và giáo dục bản địa, đến việc đánh giá các đặc thù về năng lực học tập của người học để đề xuất khái niệm, các chỉ báo để hình thành khung năng lực thông tin cho sinh viên đại học Việt Nam.

2. Các đặc điểm giáo dục đại học có tác động tới việc hình thành khái niệm năng lực thông tin tại Việt Nam

2.1. Văn hóa học tập chịu tác động của giáo dục khoa cử

Việt Nam là một quốc gia nằm trong khu vực mà triết lý và thực hành giáo dục chịu ảnh hưởng sâu sắc của Nho giáo [9]. Nho giáo đã tác động toàn diện và mạnh mẽ đến xã hội Việt Nam cả thời trung đại và tiền hiện đại và vẫn đang tác động trở lại xã hội Việt Nam hiện nay [9]. Tác giả Nguyễn Kim Sơn cho rằng Nho giáo ban đầu được truyền bá từ Trung Quốc vào Việt Nam thông qua hệ thống giáo dục. Do đó, thực tiễn giáo dục ở Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng rất lớn bởi Nho giáo. Đây cũng là một điểm quan trọng cần được xem xét khi so sánh và đối chiếu bối cảnh giáo dục phương Tây và phương Đông.

Trong bối cảnh giáo dục như trên, dễ nhận thấy vai trò trung tâm của người thầy trong việc dạy và học. Điều này dẫn đến cách tiếp cận lấy giáo viên làm trung tâm trong thực hành sư phạm, nơi học sinh chủ yếu dựa vào những gì giáo viên cung cấp cho họ trong lớp, như tác giả Fry tóm tắt: “Không giống như các nước láng giềng Đông Nam Á như Thái Lan, Campuchia và Lào, Việt Nam là một phần của thế giới Nho giáo cũng như Nhật Bản, Hàn Quốc và

Singapore. Một phần của di sản văn hóa này có tầm quan trọng lớn gắn liền với việc học tập và sự tôn trọng đặc biệt đối với giáo viên, học giả và cố vấn học tập” [10, tr. 240].

Điều này dẫn đến một thực tế là mô hình môi trường học tập thụ động khá phổ biến ở Việt Nam, nơi mà các phương pháp giảng dạy hầu như chỉ dựa vào sự yêu cầu của giáo viên mà không khuyến khích học sinh học tập chủ động, tư duy độc lập, nơi mà giáo viên đóng vai trò trung tâm trong các bối cảnh dạy và học [12, tr. 4]. Nghiên cứu [11] cũng chỉ ra rằng gốc rễ của thực tế này là từ quá trình học tập trước đó của học sinh (ở giáo dục tiểu học, trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông), do đó cần có thời gian để tạo ra những thay đổi trong giáo dục đại học ở Việt Nam.

Những thực tế này đang thách thức các nhà giáo dục trong nỗ lực phát triển một môi trường học tập tích cực. Tuy nhiên, nghiên cứu được thực hiện bởi Tomlinson và Dat [12] cho thấy rằng sinh viên Việt Nam có tiềm năng hòa nhập vào môi trường học tập tích cực. Các tác giả này chỉ ra rằng, khi được đặt trong bối cảnh học thuật phương Tây (trong trường hợp này là Úc), học sinh Việt Nam nhận thức được nhu cầu của họ là phải có các mối quan hệ xã hội sâu sắc hơn trong lớp học và học tập tích cực hơn. Nói cách khác, bằng cách tham gia các hoạt động xã hội cùng với các học sinh và giáo viên khác trong lớp học, học sinh Việt Nam nhận thức rõ hơn về môi trường học tập khác với môi trường học tập trước đây và do đó có thể tích cực tham gia vào các hoạt động dạy và học trên lớp. Như vậy, có thể thấy những yêu cầu về tư duy phân biện, học tập tích cực vẫn có thể áp dụng và phù hợp khi đánh giá năng lực thông tin của người học trong các trường đại học tại Việt Nam.

2.2. Hành vi và kỹ năng học tập của người học

Nghiên cứu do tác giả Nguyễn Cảnh Khanh thực hiện về phong cách học tập của sinh viên Việt Nam chỉ ra trong số các ý kiến phản hồi từ sinh viên ở hai trường đại học khác nhau (Trường Đại học Khoa học Tự nhiên và Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn), tỷ lệ sinh viên không nắm bắt được thông tin và kỹ năng

học tập là rất cao. Ví dụ, gần một nửa số sinh viên không giỏi trong việc tìm kiếm và phân tích thông tin cần thiết, trong khi tỷ lệ sinh viên rất giỏi chỉ là 7,4% [8, tr. 3].

Về vấn đề này, tác giả Nguyễn Cảnh Khanh cho rằng các trường đại học cần điều chỉnh phương pháp dạy và học, tập trung mạnh vào việc giúp sinh viên trở thành người học tích cực [8, tr. 10]. Ngoài ra, cần khuyến khích phát triển các kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng tư duy sáng tạo và khả năng áp dụng kiến thức mới của sinh viên [8, tr. 11].

Việc thiếu các kỹ năng thông tin vẫn đang thách thức học sinh trong các hoạt động học tập và điều này ảnh hưởng mạnh mẽ đến cách học của sinh viên. Nghiên cứu [11] cho thấy, trong các phong cách học tập ưa thích của sinh viên, nghe giảng trên lớp chiếm vị trí hàng đầu, tiếp theo là tham gia thảo luận, tham gia làm việc nhóm, đi dã ngoại và cuối cùng là tự học. Các tác giả chỉ ra rằng phong cách học tập thụ động đã được hình thành khi học sinh ở trường tiểu học và được củng cố trong suốt quá trình học tập sau này [11]. Đặc biệt, học sinh không chủ động và không biết cách chuẩn bị cho bài học sắp tới của mình khi không có bài đọc trước, do đó, họ thường lựa chọn im lặng trong lớp và chủ yếu nghe giáo viên của họ thuyết trình.

Nhờ ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông và các công cụ mạng xã hội, việc trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm, thực hành dạy và học diễn ra khá phổ biến giữa các giảng viên trong nước và giảng viên quốc tế. Có thể nói, hiện nay môi trường học tập tích cực đang được khuyến khích trong giáo dục đại học ở Việt Nam. Theo các tác giả Tomlinson và Dat [12], đề thúc đẩy dạy học tích cực, giáo viên cần lưu ý những vấn đề sau đây mà người học gặp phải: mở rộng quan hệ xã hội; lo lắng về hiệu suất học tập; hạn chế về ngoại ngữ; trải nghiệm học tập thụ động trước khi vào đại học; tư tưởng thụ động về quá trình học tập; kỳ vọng lâu dài về kết quả học tập; lo lắng về việc giáo viên đánh giá thấp năng lực học tập; ưa thích phương pháp lớp học “kiểu gia đình”; và mong chờ sự hỗ trợ của giáo viên trong cải thiện năng lực ngoại ngữ [13].

Những phát hiện này cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa môi trường học tập phương Tây và phương Đông. Sinh viên Việt Nam cần có những thích ứng về văn hóa và xã hội với môi trường học tập tích cực. Theo các tác giả Tomlinson và Dat [12], các khía cạnh như hỗ trợ tâm lý, kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng học tập và đặc biệt là xung đột văn hóa cần được tính đến khi xây dựng và phát triển một môi trường học tập tích cực, nơi năng lực thông tin đóng vai trò là động lực học tập.

2.3. Sự thay đổi trong bối cảnh thông tin của người học

Trên thực tế, ban đầu, năng lực thông tin được hiểu như một công cụ để đối phó với sự bùng nổ thông tin (tức là “quá tải thông tin”) và nhu cầu sử dụng thông tin trong giải quyết vấn đề. Do đó, trước hết năng lực thông tin được hiểu là một tập hợp các kỹ năng và kỹ thuật thông tin [13], chứ không phải là một quá trình học tập. Theo nghĩa này, năng lực thông tin chủ yếu được nhìn từ góc độ thư viện, và được hình thành thông qua hoạt động thư viện như hướng dẫn thư viện, hướng dẫn thư mục, và tập huấn người dùng [14-15].

Khái niệm về năng lực thông tin đã được mở rộng với sự tập trung vào “cách học” được phát triển từ năm 1987 [13, 16-18]. Chẳng hạn, một trong những khung lý thuyết phổ biến theo tiếp cận này, “Sáu kỹ năng lớn” (Big Six Skills), đã được Eisenberg và Berkowitz [19] phát triển. Theo các tác giả này, mỗi cá nhân có thể giải quyết nhu cầu thông tin của mình thông qua 6 bước: xác định nhiệm vụ, xây dựng chiến lược tìm kiếm thông tin, định vị và truy cập, sử dụng thông tin, tổng hợp và đánh giá thông tin.

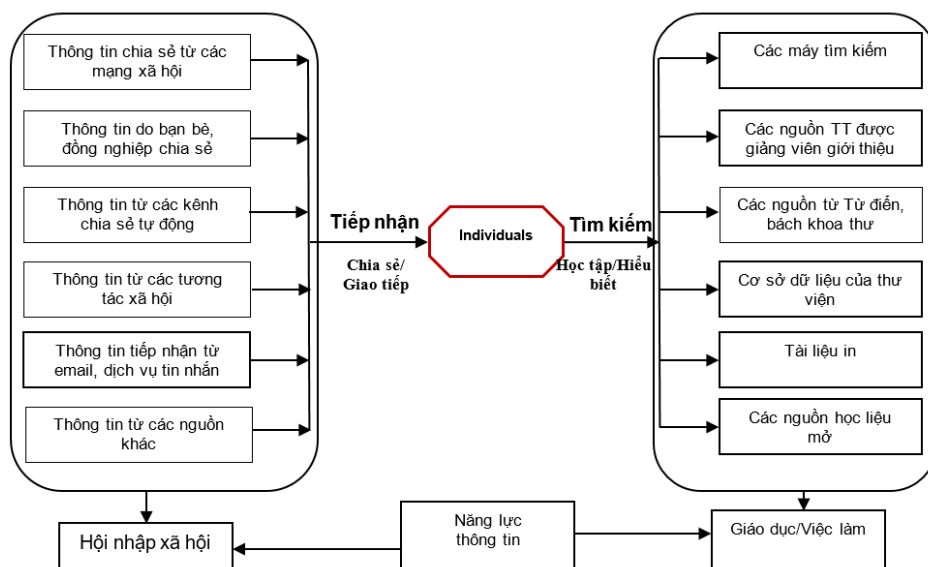
Trong số các định nghĩa phổ biến về năng lực thông tin, định nghĩa được phát triển bởi Hiệp hội các Thư viện Cao đẳng và Nghiên cứu Hoa Kỳ [2] có thể được coi là một trong những cách tiếp cận toàn diện nhất. Theo ACRL [2], năng lực thông tin là sự hiểu biết và tập hợp các khả năng cho phép các cá nhân “nhận biết khi nào cần thông tin và có khả năng định vị, đánh giá và sử dụng hiệu quả thông tin”. Đặc biệt, khung năng lực thông tin của ACRL nhấn mạnh khái

niệm “học cách học” và “học tập suốt đời” như là những khả năng chính của một người có năng lực thông tin. Cách tiếp cận này đã được công nhận rộng rãi như một khung lý thuyết quan trọng cho đào tạo, phát triển năng lực thông tin cho người học trong bối cảnh giáo dục đại học [6].

Gần đây, có thể thấy bối cảnh thông tin của từng cá nhân đang có những thay đổi mạnh mẽ, đặc biệt là những thay đổi diễn ra từ những tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, nơi người học không chỉ là người tìm kiếm thông tin (thông qua thư viện, máy tìm kiếm) mà còn là người tiếp nhận thông tin một cách thụ động (từ mạng xã hội, phương tiện tương tác xã hội,...). Trong bối cảnh này, khái niệm năng lực thông tin không chỉ được nhìn từ góc độ của bộ phận thư viện, giảng viên hoặc những người hỗ trợ CNTT, mà còn gắn với góc nhìn của “một người sử dụng, một người tiêu dùng thông tin và những vấn đề thông tin mà anh ta phải giải quyết trong hoạt động giáo dục, nghề nghiệp hoặc giải trí của mình” [20, tr. 8]. Các tác giả Walter [21] và

Wiorogórska [7] cũng gợi ý rằng “tiếp cận văn hóa” là rất quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển năng lực thông tin trong bối cảnh giáo dục đại học. Trong công trình của mình, Walter [21] nhấn mạnh đến các yếu tố cần tính đến khi xem xét khái niệm năng lực thông tin, bao gồm: văn hóa học thuật, phương thức tổ chức và quản lý đào tạo, văn hóa học tập.

Tuy nhiên, như các tác giả Godwin [22-23], Tuominen [24], Bussert và Brown [25], Spiranec và Zorica [26], Nghiêm Xuân Huy [27] và Wiorogórska [7] đã đề cập, bối cảnh thông tin hiện tại đang ngày càng thay đổi, ảnh hưởng sâu sắc đến cách thức mà người học tương tác với thế giới thông tin nói chung và các nhiệm vụ học tập của họ nói riêng. Theo đó, tác giả Nghiêm Xuân Huy [27, tr. 7] đề xuất một sơ đồ thể hiện bối cảnh thông tin hiện tại, trong đó các cá nhân đang xử lý thông tin theo những cách khác nhau nhằm mục đích nâng cao kỹ năng học tập suốt đời và nâng cao khả năng hòa nhập của họ với cộng đồng và xã hội (xem Hình 1).



Hình 1. Bối cảnh thông tin của mỗi cá nhân [27, tr. 7].

Theo các tác giả Counts và Fisher [28], Spiranec và Zorica [26], và Nghiêm [27], các cá nhân không chỉ giải quyết nhu cầu thông tin của mình và các nguồn thông tin mà họ khai thác

được, mà họ còn phải đối mặt với các luồng thông tin nhận được từ các hoạt động mạng xã hội, các công cụ chia sẻ trực tuyến, thậm chí từ các tương tác hàng ngày của họ. Các nguồn

thông tin đó đến với các cá nhân theo nhiều cách khác nhau và cá nhân không thể tiếp cận hoặc sử dụng chúng như cách mà mình tương tác với các nguồn thông tin mà họ chủ động truy xuất. Trong trường hợp này, mối quan tâm về thông tin của các cá nhân không chỉ liên quan đến nhu cầu thông tin phục vụ mục đích học tập hoặc làm việc của họ mà còn liên quan đến cuộc sống xã hội và sự hòa nhập của họ. Do đó, năng lực thông tin được xem là chìa khóa giúp các cá nhân làm chủ chính bối cảnh thông tin của họ chứ không chỉ đáp ứng nhu cầu thông tin của riêng họ. Trong bối cảnh giáo dục đại học, sinh viên phải làm quen với phong cách và môi trường học tập khác với những gì họ đã trải qua ở trường trung học. Trên thực tế, có một sự thay đổi đáng kể trong bối cảnh thông tin của sinh viên khi họ bắt đầu học tại trường đại học. Vì vậy, năng lực thông tin không chỉ giúp người học giải quyết nhu cầu thông tin của họ mà còn giúp họ hòa nhập hiệu quả vào môi trường học tập mới. Đó là lý do tại sao khía cạnh văn hóa là cần thiết được xem xét trong việc phát triển năng lực thông tin cho học sinh.

2.4. Tác động của bối cảnh giáo dục

Như trên đã phân tích, là một trong những quá trình giáo dục, việc phát triển năng lực thông tin cho người học chịu ảnh hưởng và quyết định bởi bối cảnh giáo dục mà các bên liên quan tham gia. Trong thời đại toàn cầu hóa kinh tế hiện nay, bối cảnh giáo dục, công cụ mạng xã hội, các tiêu chuẩn, khung và lý thuyết giáo dục đang thay đổi trên toàn cầu và diễn ra bên ngoài biên giới mỗi quốc gia. Văn hóa học thuật và bối cảnh giáo dục ở mỗi quốc gia chứa đựng các giá trị địa phương và những giá trị ngoại biên có nguồn gốc từ các nền văn hóa, bối cảnh giáo dục khác [7, 29]. Trên thực tế, trong bất kỳ bối cảnh giáo dục nào, học tập suốt đời, học tập tích cực, khả năng thích ứng chuyên môn và hòa nhập xã hội được xem là những mục tiêu tối thượng mà các cơ sở giáo dục cam kết với người học [30-31]. Tuy nhiên, trong các bối cảnh và các chiều cạnh văn hóa khác nhau, cần có các tiếp cận và phương pháp sư phạm khác nhau, các lý thuyết dạy và học khác

nhau để phát triển năng lực thông tin của người học. Điều này hướng đến mục tiêu đảm bảo các giá trị văn hóa địa phương và toàn cầu có thể kết hợp với nhau một cách hiệu quả [26, 27, 32].

Gần đây, một thế hệ người học mới đã được hình thành và được gọi là “thế hệ Net” với các đặc điểm tiêu biểu như “kỹ thuật số”, “di động”, “kết nối”, “thử nghiệm”, “tức thì” và “xã hội” [33-34] và “được định hình bởi xã hội, văn hóa và công nghệ” [30, tr. 155]. Những khía cạnh này góp phần quan trọng vào hình ảnh của một thế hệ người học mà hoạt động học tập của họ dựa trên môi trường mạng với các tương tác xã hội và văn hóa thường xuyên diễn ra. Trong môi trường học tập mạng đó, không những các nguyên tắc và thực hành dạy học chung cần được tuân theo để đảm bảo sự “kết nối” giữa các “nút” (tức là giáo viên, học sinh và các bên liên quan khác trong môi trường học tập), mà các giá trị của văn hóa học thuật bản địa cũng cần được duy trì [32].

Về việc phát triển năng lực thông tin, xu hướng nhấn mạnh sự cần thiết phải điều chỉnh các định nghĩa và khung năng lực thông tin cho phù hợp với môi trường sống, làm việc và học tập của các cá nhân đã nhiều các tác giả thảo luận [1, 2, 4-7, 35-36]. Theo UNESCO [5], có bốn vấn đề liên quan đến việc cung cấp các chương trình phát triển năng lực thông tin: tác động của ngôn ngữ, trở ngại về văn hóa, đặc thù bối cảnh chính trị và kinh tế. Ngoài ra, UNESCO khuyến khích việc xem xét khái niệm năng lực thông tin trong sự phù hợp với các bối cảnh xã hội, công việc, giáo dục và cuộc sống.

Theo tiếp cận này, các tác giả Webber và Johnson [35] cho rằng năng lực thông tin là “việc thực hiện hành vi thông tin thích hợp để có được thông tin, thông qua bất kỳ kênh hoặc phương tiện nào, phù hợp với nhu cầu thông tin,... sử dụng thông tin đó một cách khôn ngoan và có đạo đức”. Trong nghiên cứu của mình, Webber và Johnson [35] cho thấy hành vi thông tin chịu sự tác động lớn của các yếu tố văn hóa. Cùng quan điểm này, tác giả Campbell [6] cho rằng định nghĩa của ACRL về năng lực thông tin cần phải được điều chỉnh cho phù hợp với môi trường sống và học tập của mọi người, nơi không

phải ai cũng có cơ hội sử dụng các công cụ công nghệ thông tin mới để truy cập các nguồn thông tin, biết cách thẩm định định chất lượng của thông tin, hoặc hiểu các quy tắc liên quan đến việc sử dụng và áp dụng thông tin [6]. Theo đó, Gorman và Dorner [1] nêu ra ba câu hỏi quan trọng:

“Làm thế nào chúng ta có thể định nghĩa năng lực thông tin trong bối cảnh một quốc gia đang phát triển? Làm thế nào để chúng ta xác định được các mục tiêu phù hợp nhất cho việc đào tạo năng lực thông tin trong bối cảnh một nước đang phát triển? Làm thế nào để những nhận thức về khía cạnh văn hóa có thể giúp cải tiến chất lượng đào tạo về năng lực thông tin?” [1, tr. 18].

Qua những phân tích như trên, có thể thấy việc xây dựng một khái niệm năng lực thông tin phù hợp với bối cảnh giáo dục ở mỗi quốc gia là hết sức cần thiết, giúp các cơ sở giáo dục định hình được các chiến lược và phương thức phát triển năng lực thông tin phù hợp cho người học.

3. Xây dựng khái niệm năng lực thông tin trong bối cảnh giáo dục đại học tại Việt Nam

3.1. Tiếp cận và khung lý thuyết

Như đã thảo luận ở các nội dung trên, trong các bối cảnh giáo dục khác nhau, các chương trình đào tạo năng lực thông tin cho người học chỉ khả thi và hiệu quả nếu chúng phù hợp về mặt văn hóa học thuật và thực hành su phạm của bối cảnh giáo dục đó. Do đó, cần có một cách tiếp cận linh hoạt để hình thành khái niệm năng lực thông tin. Như đã trình bày, các khung lý thuyết và khái niệm hiện tại về năng lực thông tin được áp dụng khá thành công trong bối cảnh giáo dục phương Tây, nơi đã hình thành được một môi trường học tập tích cực từ lâu với các yếu tố con người và nguồn lực phù hợp.

Ngược lại, việc phát triển năng lực thông tin cho người học tại các trường đại học ở các nước phương Đông, đặc biệt là ở một nước đang phát triển như Việt Nam, là một khái niệm khá mới. Về vấn đề này, việc xây dựng một khái niệm năng lực thông tin phù hợp với bối cảnh giáo dục

là cực kỳ quan trọng và cần được giải quyết thấu đáo. Bởi lẽ, nội hàm của khái niệm năng lực thông tin có những tác động quan trọng đến chiến lược và cách thức phát triển năng lực thông tin cho người học ở mỗi bối cảnh giáo dục cụ thể.

Cần lưu ý rằng, mặc dù tiếp cận Nho giáo ít nhiều có tác động tiêu cực đến việc phát triển một môi trường học tập tích cực, nhưng điều đáng xem xét lại là mặt tích cực của nó trong bối cảnh của các nước phương Đông khi xây dựng khái niệm năng lực thông tin. Học sinh trong môi trường học tập trong bối cảnh này là những người hiếu học và tôn trọng những người có học thức, và đặc biệt họ sẵn sàng hỗ trợ cho nhau. Đây là những yếu tố cần được giữ lại làm nền tảng để xây dựng chiến lược phát triển năng lực thông tin trong các nền giáo dục đại học chịu sự tác động của yếu tố văn hóa Nho giáo. Ngoài ra, để phát triển môi trường học tập tích cực và hình thành các thể hệ sinh viên có phong cách học tập tích cực, những yếu tố văn hóa đó cần được điều chỉnh và đảm bảo sự tương thích, phù hợp với các tiếp cận giáo dục phương Tây. Trên thực tế, trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, cả mô hình phát triển năng lực thông tin của phương Tây và phương Đông đều không hoàn hảo. Do đó, các yếu tố văn hóa học thuật phải được đặc biệt chú ý khi xây dựng khái niệm cũng như chiến lược phát triển năng lực thông tin cho người học. Nói cách khác, người học phải trở thành những tác nhân chủ động trong quá trình học tập của chính mình.

Dựa trên phân tích và thảo luận như trên, có thể thấy ba khía cạnh sau đây cần được xem xét và tính đến trong việc xây dựng khái niệm năng lực thông tin phù hợp với các bối cảnh giáo dục khác nhau. Đó là: sự phù hợp với các giá trị và thực tiễn giáo dục bản địa; sự linh hoạt của thực hành năng lực thông tin trong các môi trường học tập khác nhau; và, kết hợp nhiều phương thức khác nhau trong tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực thông tin trong người học.

3.2. Xây dựng khái niệm năng lực thông tin

Như đã đề cập ở trên, cần có một định nghĩa linh hoạt về năng lực thông tin, có thể được điều chỉnh phù hợp và sử dụng trong các bối cảnh văn

hóa khác nhau. Theo tiếp cận này, cần thiết phải xem xét khái niệm năng lực thông tin trong bối cảnh thông tin và môi trường học tập của mỗi cá nhân. Theo đó, tác giả đề xuất khái niệm Năng lực thông tin như sau:

“Năng lực thông tin là tập hợp các kỹ năng, hành vi và hiểu biết mà mỗi cá nhân cần có để giải quyết các vấn đề thông tin xuất hiện trong các bối cảnh học tập, làm việc và sinh sống của mình, qua đó giúp cá nhân thích ứng và hoạt động hiệu quả trong các bối cảnh đó”.

Trong bối cảnh giáo dục đại học, với sự tác động rõ nét của các phương pháp tiếp cận sư phạm, thực hành dạy và học, phong cách học tập và hành vi thông tin của sinh viên, năng lực thông tin được định nghĩa như sau:

Năng lực thông tin của sinh viên đại học là tập hợp các kỹ năng, hành vi và hiểu biết mà người học cần có để đáp ứng các nhu cầu thông tin, nhu cầu học tập này sinh trong môi trường học tập của họ, giúp họ thích ứng với các bối cảnh học tập khác nhau và đạt được hiệu quả học tập tối ưu.

Như vậy, có hai khía cạnh cốt lõi của năng lực thông tin: i) Các kỹ năng, hành vi và hiểu biết để đáp ứng các nhu cầu thông tin, nhu cầu học tập này sinh trong môi trường học tập; và ii) Sự thích ứng và những hiệu quả học tập mà người học có thể có được trong các bối cảnh học tập, làm việc và sinh sống của mình. Định nghĩa này đặt các yếu tố văn hóa, đặc biệt là văn hóa học thuật, làm trung tâm, trong đó các thành phần cấu thành (kỹ năng và hành vi và hiểu biết) được xác định dựa trên nhu cầu thông tin, nhu cầu học tập và môi trường học tập của người học. Quan trọng hơn, những kỹ năng, hành vi và hiểu biết đó là để giúp người học sinh thích ứng với các bối cảnh học tập khác nhau.

Khía cạnh đầu tiên của định nghĩa cho thấy năng lực thông tin bao gồm ba yếu tố: kỹ năng, hành vi và hiểu biết. Nội dung của mỗi yếu tố thay đổi tùy theo các bối cảnh học tập khác nhau. Cả ba yếu tố này đều ảnh hưởng đến người học trong việc đáp ứng nhu cầu thông tin và nhu cầu học tập xuất hiện trong quá trình học tập của họ. Trong bối cảnh văn hóa học thuật ở các nước phương Đông, đặc biệt là ở Việt Nam, nơi khá

phổ biến thực trạng học sinh học thụ động, phương pháp sư phạm lấy giáo viên làm trung tâm và nguồn thông tin còn hạn chế, các yêu cầu về “kỹ năng”, “hành vi” và “sự hiểu biết” của sinh viên về năng lực thông tin khác với các yếu tố tương ứng của sinh viên trong nền văn hóa hàn lâm phương Tây.

“Kỹ năng” (skills) đề cập đến khía cạnh thực hành của năng lực thông tin, có thể trang bị cho sinh viên thông qua các khóa đào tạo về kỹ năng thông tin và kỹ năng học tập. Trong mỗi bối cảnh học tập, sinh viên cần được trang bị các bộ kỹ năng khác nhau. Ví dụ, trong bối cảnh văn hóa học tập phương Tây, sinh viên vốn đã được trang bị các kỹ năng như thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm và tìm kiếm các nguồn thông tin khác nhau cho việc học của mình ngay từ các cấp học trước đó, đa phần đã được chuẩn bị cho việc học tập tích cực. Tuy nhiên, các sinh viên trong văn hóa học tập phương Đông lại không hoàn toàn như vậy (như thảo luận phía trên), điều này giải thích cho sự phổ biến của mô hình học tập thụ động trong bối cảnh học tập đó. Ngoài ra, những hạn chế về trình độ ngoại ngữ và trình độ tin học cũng là những trở ngại cản trở sinh viên Việt Nam tiếp cận và sử dụng hiệu quả các nguồn thông tin. Do đó, để giúp sinh viên trở thành những người học tích cực và có năng lực thông tin, cần phải xây dựng bộ kỹ năng này dựa trên những hiểu biết về kỹ năng học tập, kỹ năng thông tin, trình độ ngoại ngữ và kỹ năng máy tính của người học. Nói cách khác, sinh viên trong các bối cảnh học tập phương Đông nói chung và Việt Nam nói riêng cần được trang bị các kỹ năng phù hợp về học tập tích cực, sử dụng thông tin, ngoại ngữ - đặc biệt là tiếng Anh - và sử dụng máy tính. Đây có thể xem là các chỉ báo cần thiết cho việc xây dựng bộ tiêu chí về năng lực thông tin của sinh viên Việt Nam.

“Hành vi” (behaviour) liên quan đến thái độ của sinh viên đối với các vấn đề, nhu cầu thông tin và học tập của họ, những yếu tố vốn chịu tác động mạnh mẽ của bối cảnh giáo dục nói chung và thực tiễn giảng dạy - học tập trên lớp học nói riêng. Đề chủ động đáp ứng các nhu cầu thông tin và học tập của mình, người học sinh có trải nghiệm học tập đủ dài trong một môi trường dạy

học tích cực. Đây là một trong những lý do tại sao việc phát triển năng lực thông tin cần phải được tiến hành liên tục trong suốt trong suốt thời gian sinh viên học tại trường đại học chứ không nên chỉ dừng ở một vài khóa học cụ thể. Trong bối cảnh văn hóa học tập phương Tây, sinh viên chủ động tiếp cận các nguồn thông tin và làm việc với giáo viên để giải quyết các vấn đề thông tin và học tập của họ. Tuy nhiên, với tâm thế thụ động và mối quan hệ phụ thuộc vào thầy cô của mình, học sinh ở các nước phương Đông, đặc biệt là ở những nước mà nền giáo dục có sự ảnh hưởng nhất định của văn hóa Nho giáo như ở Việt Nam, người học cần cải thiện hành vi học tập và hành vi thông tin của mình theo hướng tích cực để trở thành người có năng lực thông tin. Vì vậy, trong bối cảnh giáo dục ở các nước phương Đông, yếu tố ‘hành vi’ nên là một trong những yếu tố cốt lõi của năng lực thông tin.

“Sự hiểu biết” liên quan đến kiến thức và nhận thức về bối cảnh học tập mà sinh viên cần có để có được cái nhìn toàn diện về bối cảnh thông tin của họ và vai trò của các bên liên quan (nhà quản lý, giáo viên, cán bộ thư viện, và chính bản thân sinh viên) trong việc học tập của mình. Bên cạnh đó, “sự hiểu biết” còn bao gồm việc nắm vững các nguyên tắc và chỉ dẫn để đảm bảo việc học tập đáp ứng các quy định của trường đại học và cũng như các quy chuẩn đạo đức, xã hội khác. Thông qua những khóa đào tạo cụ thể hoặc những nội dung tích hợp trong các môn học, người học có thể lĩnh hội những “sự hiểu biết” này.

Phần thứ hai của định nghĩa này liên quan đến sự hội nhập (hoặc hòa nhập) của người học vào môi trường học tập của họ và những lợi ích mà họ có thể thu được từ những trải nghiệm của mình trong bối cảnh đó. Các phát hiện trong nghiên cứu này và công trình gần đây chỉ ra rằng kết quả học tập của học sinh bị ảnh hưởng sâu sắc bởi việc thích nghi với môi trường học tập của họ. Ví dụ, sinh viên Việt Nam gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn thông tin (nhất là thông tin bằng ngôn ngữ nước ngoài) và tham gia vào các hoạt động học tập tích cực tại trường đại học (do thói quen học tập thụ động có trước khi vào đại học) (xem 2.2). Vì vậy, việc

đảm bảo để sinh viên hòa nhập vào môi trường học tập của họ là một yếu tố đặc biệt quan trọng trong các hoạt động phát triển năng lực thông tin cho người học. Theo Manuel Castells [32], có thể xem môi trường học tập của sinh viên là một kiểu xã hội mạng, trong đó sinh viên là các nút (node) của xã hội mạng đó, do đó các nút không thể tách rời nhau. Theo tiếp cận này, sinh viên cần có đủ kỹ năng, hiểu biết để có thể làm việc và giao tiếp hiệu quả với các nút khác của mạng (tức là giảng viên, trợ giảng, giáo viên, thủ thư, cán bộ quản lý hoặc sinh viên khác) và sử dụng hiệu quả các tài nguyên sẵn có của mạng (chẳng hạn như: học liệu và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin – truyền thông (CNTT-TT)) cho việc học của họ.

Như vậy, một sinh viên có năng lực thông tin là người hòa nhập tốt với môi trường học tập của mình, có khả năng giao tiếp và làm việc hiệu quả với tất cả các bên liên quan và các nguồn học tập trong môi trường học tập của mình. Sinh viên không chỉ được yêu cầu sẵn sàng hòa nhập với môi trường học tập hiện tại mà còn cần chuẩn bị sẵn sàng để thích nghi và hòa nhập với các môi trường học tập và làm việc khác nhau sau khi tốt nghiệp đại học. Khi trở thành các nút (node) trong mạng lưới học tập của mình (hoặc hòa nhập được với bối cảnh học tập và làm việc khác nhau), sinh viên có thể tiếp tục học tập liên tục trong suốt cuộc đời của họ.

Tóm lại, năng lực thông tin bao gồm các kỹ năng, hành vi và kiến thức mà người học cần phải có để đáp ứng các nhu cầu học tập và thông tin của họ. Do đó, cần có các hỗ trợ cần thiết để trang bị, nâng cao năng lực thông tin cho người học, giúp học đạt được mục tiêu và hiệu quả học tập cao nhất.

3.3. Những đặc điểm chính của người học liên quan đến việc hình thành năng lực thông tin trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam.

Như thảo luận tại mục 2.2, việc học tập thụ động còn khá phổ biến trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam. Liên quan đến kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học trong môi trường này, tác giả Nghiêm Xuân Huy [37] đã có nghiên

cứu sâu về vấn đề này và rút ra một số đặc điểm nổi bật như sau:

Về kỹ năng thông tin, sinh viên Việt Nam khá giỏi trong việc xác định nhu cầu thông tin của mình; có khả năng cơ bản trong tìm kiếm thông tin. Tuy nhiên họ chưa thành thạo trong các kỹ năng truy xuất thông tin nâng cao, chưa biết cách đánh giá và thẩm định thông tin, chưa thành thạo trong thực hiện các quy định về trích dẫn và tổ chức tài liệu tham khảo, chưa quan tâm đến tính đa dạng của nguồn học liệu mà họ tiếp cận.

Về kỹ năng học tập, ngoài một nhóm thiểu số sinh viên xuất sắc (thường ở các lớp tiên tiến, chất lượng cao) biết cách tiến hành nghiên cứu, làm nhiệm vụ nhóm và tích cực trong hoạt động học tập, thì đa phần sinh viên còn thụ động trong học tập, chưa thực hiện tốt các kỹ năng như: thảo luận, thuyết trình, nghiên cứu.

Về kỹ năng ngoại ngữ, sinh viên chưa đủ thành thạo để tiếp cận và sử dụng hiệu quả các nguồn thông tin bằng tiếng nước ngoài. Sinh viên cũng chưa sử dụng hiệu quả kỹ năng tin học để tiếp cận và sử dụng thông tin phục vụ học tập.

Liên quan đến yếu tố “hành vi”, có thể thấy sinh viên Việt Nam có tiềm năng và sự sẵn sàng cho việc học tập tích cực. Tuy vậy thực tế hiện nay, tính chủ động và tích cực học tập của sinh viên chưa cao, việc khai thác học liệu phục vụ học tập chủ yếu dựa vào những giới thiệu và khuyến cáo của giáo viên, không chủ động tiếp cận thư viện và cán bộ thư viện để được tư vấn hoặc khai thác học liệu, ít tương tác trên lớp học, kỹ năng làm việc nhóm chưa tốt.

Về hiểu biết của sinh viên đối với bối cảnh học tập và vấn đề khai thác thông tin, đa phần sinh viên vẫn xem giáo viên là người “truyền bá tri thức”, việc học tập là để đáp ứng yêu cầu kiểm tra, đánh giá, chưa hiểu rõ vai trò của thư viện và cán bộ thư viện, chưa hiểu rõ các quy định về liêm chính học thuật trong nghiên cứu, học tập, hiểu biết về chương trình đào tạo và thị trường lao động còn nhiều hạn chế.

Như vậy, với những đặc điểm như trên, việc xây dựng khái niệm cũng như hình thành các chỉ báo về năng lực thông tin của sinh viên đại học Việt Nam cần có những yếu tố đặc thù. Với tiếp cận đặt khái niệm năng lực thông tin trong tương quan với yếu tố văn hóa học tập, bối cảnh giáo dục và mục tiêu thúc đẩy khả năng học tập chủ động, học tập suốt đời của người học, bài viết đề xuất nội hàm và các chỉ báo về năng lực thông tin của sinh viên đại học tại Việt Nam như dưới đây.

3.4. Nội hàm và các chỉ báo về năng lực thông tin đối với sinh viên đại học tại Việt Nam

Như đã đề xuất khái niệm năng lực thông tin trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam ở mục 3.2, nội hàm của năng lực thông tin được cấu thành bởi 3 yếu tố: kỹ năng (kỹ năng thông tin, kỹ năng học tập, kỹ năng ngoại ngữ và tin học); hành vi (học tập tích cực, chủ động tương tác); và, hiểu biết (bối cảnh học tập, bối cảnh thông tin, các quy chuẩn đạo đức và pháp luật trong sử dụng thông tin). Các yếu tố này được diễn giải như sau:

Bảng 1. Nội hàm và các chỉ báo về năng lực thông tin của sinh viên đại học tại Việt Nam

Thành tố	Yêu cầu	Chỉ báo
I. Kỹ năng		
Kỹ năng thông tin	Sinh viên có kỹ năng nhận diện yêu cầu thông tin, tìm kiếm, đánh giá và sử dụng thông tin hiệu quả cho các nhu cầu học tập, nghiên cứu và các nhu cầu sống khác.	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được nhu cầu thông tin cá nhân và vấn đề thông tin của cộng đồng mà mình tham gia; - Tìm kiếm được thông tin mình cần thông qua các nguồn và kênh thông tin khác nhau; - Đánh giá và xác minh được độ tin cậy, chính xác của các nguồn thông tin mà mình truy xuất hoặc tiếp nhận; - Sử dụng các nguồn thông tin sẵn có một cách phù hợp về mặt đạo đức, văn hóa và pháp luật; - Biết cách trích dẫn học liệu trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và biết cách tổ chức tài liệu tham khảo theo yêu

		cầu và hướng dẫn của Nhà trường hay các yêu cầu về công bố khoa học.
Kỹ năng học tập	Sinh viên có khả năng học tập tích cực.	<ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng nghiên cứu và giải quyết vấn đề; - Quen với việc sử dụng các tài nguyên học tập khác nhau; - Áp dụng được các kỹ thuật giải quyết vấn đề trong quá trình học tập; - Làm việc và học tập theo nhóm tích cực, hiệu quả; - Biết cách tổ chức dự án nghiên cứu; - Tương tác hiệu quả với bạn học, thầy cô, cán bộ thư viện trong quá trình học tập; - Sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên học tập sẵn có (nguồn thông tin, tài liệu học tập, thư viện và cơ sở hạ tầng CNTT-TT).
Kỹ năng ngoại ngữ và tin học	Sinh viên sử dụng được ngoại ngữ và các công cụ công nghệ thông tin để khai thác, tìm kiếm, và sử dụng thông tin một cách hiệu quả.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng hiệu quả ngoại ngữ (nhất là tiếng Anh) để tiếp cận và sử dụng các nguồn học liệu bằng các ngôn ngữ khác nhau; - Sử dụng hiệu quả các kỹ năng máy tính để đáp ứng các nhu cầu thông tin và nhu cầu học tập; - Sử dụng hiệu quả các kỹ năng tương tác và chia sẻ thông tin trên các mạng xã hội.
II. Hành vi		
Liên chính học thuật	Sinh viên có thái độ tôn trọng bản quyền, tôn trọng sở hữu trí tuệ trong khai thác và sử dụng thông tin.	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động trích dẫn, ghi nguồn tài liệu được sử dụng trong quá trình học tập, nghiên cứu; - Không thỏa hiệp với các vi phạm về sự trung thực trong học tập và nghiên cứu; - Tích cực tìm hiểu các quy định, pháp luật, hướng dẫn trong khai thác, sử dụng, chia sẻ thông tin.
Tư duy phản biện	Sinh viên tiếp nhận thông tin một cách chủ động, có phê phán, có chọn lọc.	<ul style="list-style-type: none"> - Luôn xem xét, đánh giá thông tin trước khi sử dụng; - Luôn khách quan trong việc cung cấp, chia sẻ thông tin; - Chủ động đặt câu hỏi hoặc thảo luận với giáo viên trên lớp.
Học tập tích cực	Sinh viên chủ động tiếp cận các nguồn thông tin, học liệu để phục vụ chuẩn bị bài học và tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp.	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động chuẩn bị bài học trước khi đến lớp; - Tích cực tham gia các hoạt động học tập ở lớp; - Tiếp cận và làm việc chủ động, hiệu quả với nhiều nguồn thông tin khác nhau; - Chủ động tìm và làm việc với giáo viên, cán bộ thư viện và các kênh hỗ trợ khác khi cần thiết.
Chủ động tương tác với các bên liên quan trong quá trình học tập	Sinh viên phối hợp hiệu quả với nhau, với giảng viên, với cán bộ thư viện để thực hiện các nhiệm vụ và mục tiêu học tập.	<ul style="list-style-type: none"> - Sẵn sàng và tích cực làm việc với các sinh viên khác trong các nhóm khác nhau; - Sẵn sàng tham gia thảo luận và chất vấn trong các hoạt động dạy và học; - Chủ động làm việc với giáo viên và thủ thư khi cần giúp đỡ hoặc tham khảo ý kiến.
III. Hiểu biết		
Các quy định và nguyên tắc về dạy và học trong nhà trường	Sinh viên nắm rõ các quy định, hướng dẫn về học tập, thi, kiểm tra, hoạt động ngoại khóa, khai thác tài nguyên thông tin và học liệu.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được vai trò của bản thân và cách phối hợp với giáo viên trong quá trình dạy và học tại lớp; - Biết cách xây dựng và áp dụng các chiến lược học tập phù hợp với môi trường học tập cá nhân và bối cảnh học tập của trường đại học;

<p>Các nguồn học liệu do trường đại học cung cấp</p>	<p>Sinh viên hiểu được cách vận hành của hệ thống thư viện của nhà trường và các nguồn học liệu khác có thể khai thác.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết đầy đủ về các nguồn thông tin do Thư viện cung cấp; - Hiểu biết về cơ chế vận hành, các quy định về khai thác, sử dụng thư viện; - Hiểu biết về đặc điểm của các loại hình thông tin khác nhau (cả tài liệu điện tử và tài liệu in ấn); - Hiểu biết về hệ thống hỗ trợ, tư vấn học tập ở trường đại học.
<p>Các vấn đề về đạo đức và pháp luật trong khai thác, sử dụng thông tin phục vụ học tập</p>	<p>Sinh viên có đủ hiểu biết về các khía cạnh pháp luật, đạo đức trong sử dụng thông tin, không vi phạm các vấn đề liên quan đến liêm chính học thuật và đạo đức nghề nghiệp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết về đạo văn và cách phòng tránh đạo văn; - Hiểu biết về các quy định pháp luật, giấy phép bản quyền trong khai thác và sử dụng thông tin; - Hiểu biết về các nguyên tắc khai thác, chia sẻ thông tin, đặc biệt là chia sẻ thông tin trên mạng xã hội; - Hiểu biết về các hệ thống quy định trích dẫn trong nghiên cứu khoa học.

Như vậy, so với tiếp cận truyền thống trong bối cảnh giáo dục phương Tây, nội hàm về năng lực thông tin trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam có những cập nhật, bổ sung cho phù hợp. Trong đó, các yếu tố liên quan đến kỹ năng học tập tích cực, kỹ năng ngoại ngữ, tin học, tư duy phân biện được xem là những yếu tố bổ sung, cần thiết cho việc hình thành năng lực thông tin cho sinh viên Việt Nam.

Dựa trên những đặc tả về nội hàm và các chỉ báo, các cơ sở giáo dục có thể tham khảo để thiết kế các chương trình đào tạo năng lực thông tin cho sinh viên, hoặc xây dựng các phương án tích hợp việc phát triển năng lực thông tin cho người học trong các hoạt động dạy và học ở các môn học khác nhau trong suốt quá trình sinh viên học tập tại nhà trường. Cả hai cách này nên được tiến hành song song và đồng bộ, giúp người học có được năng lực thông tin một cách bền vững.

4. Một số kiến nghị

Để triển khai áp dụng Khung năng lực thông tin như trên cần có sự tham gia của các bên liên quan trong trường đại học, trong đó vai trò của lãnh đạo nhà trường, giảng viên, và cán bộ thư viện là đặc biệt quan trọng. Bài viết đưa ra một số khuyến cáo dưới đây đối với mỗi nhóm để góp phần triển khai phát triển năng lực thông tin cho sinh viên một cách hiệu quả.

Trước hết, đối với nhóm **lãnh đạo nhà trường**, đây là nhóm ra chính sách và quyết định

về mặt nguồn lực để triển khai. Nhóm này cần lưu ý một số nội dung sau:

- Đảm bảo tầm nhìn thống nhất và có nguyên tắc về nhu cầu phát triển hiểu biết thông tin cho sinh viên và vai trò của vấn đề này trong việc thực hiện đổi mới hệ thống giáo dục và đào tạo ở trường đại học.

- Ban hành các chính sách về phát triển năng lực thông tin dựa trên các đặc điểm cụ thể, nổi bật của bối cảnh dạy – học tại trường đại học.

- Đưa ra các chính sách cụ thể để hỗ trợ từng nhóm sinh viên theo các đặc điểm riêng về phong cách học tập, kỹ năng, hành vi thông tin và kỹ năng máy tính của họ.

- Đảm bảo những nỗ lực của giảng viên trong quá trình phát triển năng lực thông tin cho sinh viên được ghi nhận, khuyến khích và trao thưởng khi cần thiết.

Đối với **giảng viên**, đây là nhóm có tác động trực tiếp đến việc hình thành và phát triển năng lực thông tin của người học. Phương pháp giảng dạy, phong cách làm việc với sinh viên của giảng viên ảnh hưởng rất lớn đến hành vi và kỹ năng thông tin của người học. Đối với giảng viên, những vấn đề sau cần được lưu ý thực hiện:

- Thực hiện việc phát triển năng lực thông tin bằng cách tích hợp trong các hoạt động dạy, học, hoạt động kiểm tra đánh giá người học.

- Kiến tạo môi trường học tập tích cực tại lớp học.

- Luôn khuyến khích người học tích cực trong các hoạt động học tập.

- Phối hợp hiệu quả với cán bộ thư viện trong việc lồng ghép kiến thức thông tin vào các hoạt động học tập của học sinh

- Có chiến lược nâng cao kỹ năng làm việc với tài liệu học bằng tiếng nước ngoài của sinh viên.

Cán bộ thư viện, từ góc độ của mình, là bộ phận cung cấp thông tin cho sinh viên, đưa ra các hướng dẫn, chỉ dẫn về mặt kỹ năng thông tin cho sinh viên. Do đó, vai trò của cán bộ thư viện là hết sức quan trọng.

- Thông thạo thông tin.

- Đảm bảo khả năng tiếp cận, tính đa dạng và sẵn có của các nguồn thông tin cho giáo viên và học sinh.

- Có kỹ năng tư vấn thông tin cho sinh viên.

- Có hiểu biết về chương trình đào tạo, hệ thống môn học và giáo trình học tập của sinh viên.

- Phối hợp hiệu quả với giáo viên và hỗ trợ giáo viên xây dựng môi trường học tập tích cực.

Như vậy, phát triển năng lực thông tin cho người học không phải là trách nhiệm của riêng đội ngũ giảng viên hay cán bộ thư viện. Mỗi bộ phận đóng một vai trò khác nhau và hoạt động xoay quanh yếu tố trung tâm là năng lực thông tin của người học. Tuy vậy, trong 3 nhóm này, có thể nói giảng viên là bộ phận có sự ảnh hưởng trực tiếp với sự hình thành và phát triển năng lực thông tin của sinh viên.

5. Kết luận

Phát triển năng lực thông tin cho sinh viên là một quá trình giáo dục đã được thực hiện phổ biến trên toàn thế giới. Tuy nhiên, sẽ không có một khung lý thuyết hoặc thực hành nào có thể áp dụng hiệu quả được cho mọi đối tượng và trong mọi bối cảnh. Do đó, xác định được đúng nội hàm, mô hình, khung lý thuyết phát triển năng lực thông tin phù hợp với bối cảnh giáo dục, văn hóa học tập tại Việt Nam có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Theo tiếp cận ở các nước phương Tây, việc phát triển năng lực thông tin cho người học được vận hành trên nền tảng mô hình giáo dục tích cực, giàu tài nguyên học tập, nhất quán ở tất cả các cấp đào tạo. Tuy nhiên, trong bối cảnh giáo dục Việt Nam, với những đặc thù về kỹ năng học tập, hành vi thông tin (gắn

với mô hình học tập thụ động, nguồn học liệu hạn chế, năng lực ngoại ngữ của người học còn thấp), nội hàm về năng lực thông tin cần có những điều chỉnh, cập nhật cho phù hợp. Mục đích của việc phát triển năng lực thông tin cho người học chính là giúp người học phát triển năng lực học tập suốt đời, khả năng thích ứng và làm chủ thế giới thông tin để phục vụ cho các mục tiêu sinh sống, làm việc và học tập một cách hiệu quả.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Hà Nội trong đề tài mã số QG. 15.47.

Tài liệu tham khảo

- [1] G. Gorman, D. Dorner, Information Literacy Education in Asian Developing Countries: Cultural Factors Affecting Curriculum Development and Programme Delivery, *IFLA Journal*, Vol. 32, No. 4, 2006, pp. 281-293.
- [2] ACRL, Presidential Committee on Information Literacy: Final Report, <http://www.ala.org/ala/acrl/acrlpubs/whitepapers/presidential.cfm/>, 1989 (accessed on: June 6th, 2018).
- [3] ANZIIL (ed.), Australian and New Zealand Information Literacy Framework: Principles, Standards and Practice, Australian and New Zealand Institute for Information Literacy, Adelaide, 2004.
- [4] S. Walter, Using Cultural Perspectives to Foster Information Literacy Instruction Across the Curriculum', in Curzon, S & Lampert, L (eds), *Proven Strategies for Building an Information Literacy Program*, Neal-Schuman, New York, 2007, pp. 55-75.
- [5] UNESCO, *Towards Information Literacy Indicators*, UNESCO, Paris, 2008.
- [6] S. Campbell, Defining Information Literacy in the 21st Century, *World Library and Information Congress: 70th IFLA General Conference and Council*, Buenos Aires, Argentina, 22-27 August 2004.
- [7] Z. Wiorogórska, The Important of Information Literacy for Asian Students at European Universities: Outlines, *PAIDEIA*, Vol. 6, No. 1,

- 2018, pp. 103-112,
<https://doi.org/10.33034/PAIDEIA.2018.6.1.103>.
- [8] N. C. Khanh, *Vietnamese Students' Learning Styles*, Vietnam National University, Hanoi, Hanoi, 2008.
- [9] N. K. Son, Confucianism in the Future of Vietnamese Culture, *Journal of Culture and Arts*, Vol. 2, 2003 (in Vietnamese).
- [10] G. W. Fry, Higher Education in Vietnam, in Y. Hirosato & Y. Kitamura (eds), *The Political Economy of Educational Reforms and Capacity Development in Southeast Asia*, Vol. 13, Springer Netherlands, 2009, pp. 237-261.
- [11] D. C. Dang, Some Difficulties in Innovating Teaching Methods in Higher Education, *Innovating Vietnamese Higher Education: International Integration and Challenges*, Da Nang, 2004.
- [12] B. Tomlinson, B. Dat, The contributions of Vietnamese Learners of English to ELT methodology, *Language Teaching Research*, 2004, Vol. 8, No. 2, pp. 199-222,
<https://doi.org/10.1191/1362168804lr140oa>.
- [13] K. L. Spitzer, M. B. Eisenberg, C. A. Lowe, (eds), *Information Literacy: Essential Skills for the Information Age*, ERIC Clearinghouse on Information & Technology, Syracuse University, Syracuse, New York, 1998.
- [14] C. Bruce, *Information Literacy Research*, *Australian Academic and Research Libraries*, Vol. 31, No. 2, 2000, pp. 91-109.
- [15] N. H. Seamans, Student Perception of Information Literacy: Insights for Librarians', *Reference Services Review*, Vol. 30, No. 2, 2002, pp. 112-123.
- [16] C. C. Kuhthau, *Information Skills for An Information Society: A Review of Research*, ERIC Clearinghouse on Information Resources, New York, 1987.
- [17] Learn Higher, *Information Literacy Literature Review*, http://archive.learnhigher.ac.uk/resources/files/Information%20literacy/Information_Literacy-Literature-Review-std.pdf/, 2006 (accessed on: June 4th, 2018).
- [18] A. Landøy, A. Popa, A. Repanovici, *Collaboration in Designing a Pedagogical Approach in Information Literacy*, Springer Nature Switzerland AG, Switzerland, 2019.
- [19] M. Eisenberg, M. R. Berkowitz, *Curriculum Initiative: An Agenda and Strategy for Library Media Programs*, Norwood, N. J. Ablex Pub, Corp, 1988.
- [20] N. I. Gendina, *Information Literacy for Information Culture: Separation for Unity*, Russian Research Results, World Library and Information Congress: 70th IFLA General Conference and Council, Buenos Aires, Argentina, 22-27 August 2004.
- [21] S. Walter, Using Cultural Perspectives to Foster Information Literacy Instruction Across the Curriculum, in S. Curzon & L. Lampert (eds), *Proven Strategies for Building an Information Literacy Program*, Neal-Schuman, New York, 2007, pp. 55-75.
- [22] P. Godwin, The Web 2.0 Challenge to Information Literacy', *INFORUM 2007: 13th Conference on Professional Information Resources*, Prague, 2007.
- [23] P. Godwin, Information Literacy and Web 2.0: Is It Just Hype?', *Program: Electronic Library and Information System*, Vol. 43, No. 3, 2009, pp. 264-274.
- [24] K. Tuominen, *Information Literacy 2.0*, *Signum*, Vol. 40, No. 5, 2007, pp. 6-12.
- [25] K. Bussert, N. Brown, *Information Literacy 2.0: Empowering Students through Personal Engagement*, http://www.eric.ed.gov/ERICDocs/data/ericdocs2sql/content_storage_01/0000019b/80/3d/00/95.pdf/, 2008 (accessed on: June 4th, 2018).
- [26] S. Spiranec, M. Zorica, *Information Literacy 2.0: Hype or Discourse Refinement*, *Journal of Documentation*, Vol. 66, No. 1, 2009, pp. 140-153.
- [27] N. X. Huy, *Delivering Information Literacy Programmes in the Context of Network Society and Cross-Cultural Perspectives*, World Library and Information Congress: 76th IFLA General Conference and Assembly, Gothenburg, Sweden, 2010.
- [28] S. Counts, K. E. Fisher, *Mobile Social Networking as Information Ground: A Case Study*, *Library & Information Science Research*, Vol. 32, 2010, pp. 98-115.
- [29] P. M. Nguyen, C. Terlouw, A. Pilot, *Culturally Appropriate Pedagogy: The Case of Group Learning in a Confucian Heritage Culture Context'*, *Intercultural Education*, Vol. 17, No. 1, 2006, pp. 1-19.
- [30] D. Parkes, G. Walton, *Web 2.0 and Libraries: Impacts, Technologies and Trends*, Chandos, Oxford, 2010.
- [31] S. Sanger, N. W. Gleason, *Diversity and Inclusion in Global Higher Education: Lessons from Across Asia*, Springer, Singapore, 2020,
<https://doi.org/10.1007/978-981-15-1628-3>.

- [32] M. Castells, *The Rise of the Network Society*, 2nd edn, Blackwell Publisher, Massachusetts, 2002.
- [33] D. G. Oblinger, J. L. Oblinger (eds), *Educating the Net Generation*, EDUCAUSE, Washington DC, 2005.
- [34] C. Jones, C. Healing, Graham, Net Generation Students: Agency and Choice and the New Technologies, *Journal of Computer Assisted Learning*, 26, 2010, pp. 344-356, <https://doi.org/10.1111/j.13652729.2010.00370.x>.
- [35] S. Webber, B. Johnston, *Assessment for Information Literacy: A Challenge for Lifelong Learning*, 2nd International Lifelong Learning Conference, Central Queensland University, Yeppoon, Queensland, 2002.
- [36] A. Lloyd, Information Literacy: Different Contexts, Different Concepts, Different Truths?', *Journal of Librarianship and Information Science*, Vol. 37, No. 2, 2005, pp. 82-88.
- [37] N. X. Huy, *Developing Information Literacy for Students in Accordance with the Academic Culture at Universities in Viet Nam: Concepts, Framework and Practices*, Vietnam National University Press, Hanoi, Vietnam, 2021.